

QUÁ TRÌNH DU NHẬP, PHÁT TRIỂN VÀ CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO Ở KHÁNH HÒA

Tóm tắt: Bài viết nhằm làm rõ quá trình du nhập, phát triển của Phật giáo ở Khánh Hòa. Nội dung bài viết chủ yếu đi tìm lời giải đáp cho các câu hỏi: Phật giáo truyền vào Khánh Hòa khi nào? Thông qua những con đường nào? Do ai truyền vào? Những ngôi chùa đầu tiên của Phật giáo tại Khánh Hòa? Bài viết cũng chỉ ra, trong quá trình tồn tại, tiếp biến và hòa nhập cùng văn hóa bản địa để phát triển, Phật giáo Khánh Hòa đã tạo ra cho mình những đặc điểm riêng, khó có thể lẫn lộn với Phật giáo các vùng miền khác.

Từ khóa: Phật giáo Khánh Hòa; du nhập; phát triển; đặc điểm; thiền phái.

1. Dẫn nhập

Phật giáo ra đời vào thế kỷ thứ VI trước Công nguyên tại miền Bắc Ấn Độ, do thái tử Tất Đạt Đa sáng lập. Sau hơn 2500 năm tồn tại, Phật giáo đã phát triển mạnh ở hầu khắp mọi nơi và trở thành một trong những tôn giáo lớn của thế giới. Đặc biệt ở các nước khu vực châu Á, trong đó có Việt Nam, Phật giáo hầu như đã ăn sâu vào đời sống văn hóa, tinh thần của người dân.

Phật giáo truyền vào Việt Nam khi nào, cho tới nay vẫn còn là một dấu hỏi. Hiện tại chưa thấy tài liệu lịch sử nào ghi chép cụ thể về điều này, các mốc thời gian hiện có chỉ là ý kiến của một số nhà nghiên cứu. Theo tài liệu công bố tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố

* Thích Nhuận Chương, chùa Phước Long, thôn Quang Đông, xã Ninh Đông, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày nhận bài: 09/7/2020; Ngày biên tập: 19/10/2020; Duyệt đăng: 07/11/2020.

Hồ Chí Minh: “Phật giáo du nhập vào Việt Nam khoảng thế kỷ thứ II trước Công nguyên bằng hai con đường: Đường biển từ phía Nam lên và đường bộ từ phía Bắc xuống”¹. Nhà sử học Lê Mạnh Thát cho rằng: Chân Nguyên muốn nói rằng ngôi chùa Trúc Viên đã có từ thời Lữ Gia, tức khoảng năm 110 trước Công nguyên, tại núi Thầy (Sài Sơn), Sơn Tây. Điều này cũng có nghĩa Phật giáo đã tồn tại ở nước ta vào thế kỷ II trước Công nguyên². Nhưng theo tác giả Nguyễn Lang thì: “Đạo Phật truyền vào Việt Nam khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch (Công nguyên - TTT). Tài liệu chắc chắn cho biết rằng vào hạ bán thế kỷ thứ hai, tại nước ta đã có một trung tâm Phật giáo phồn vinh và quan trọng rồi, nhưng có thể đạo Phật đã du nhập vào nước ta trong thế kỷ đầu của kỷ nguyên”³. Như vậy, đến thế kỷ II, Phật giáo đã có ảnh hưởng nhất định trong đời sống tinh thần của người dân. Với giáo lý từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha, tri ân báo ân... Phật giáo trở nên gần gũi với truyền thống văn hóa tương thân, tương ái, uống nước nhớ nguồn của người Việt Nam, nên dễ dàng được mọi người chấp nhận. Trong suốt quá trình tồn tại và đồng hành cùng người Việt Nam, Phật giáo đã nhanh chóng lan tỏa khắp mọi miền đất nước, trong đó có tỉnh Khánh Hòa.

2. Quá trình du nhập, phát triển của Phật giáo ở Khánh Hòa

Phật giáo truyền vào vùng đất Khánh Hòa khi nào, hiện chưa tìm thấy sử liệu xưa ghi chép. Nhưng trước khi cư dân người Việt đến vùng đất này, nơi đây đã từng tồn tại một nền Phật giáo phát triển rực rỡ và gần như đã trở thành quốc giáo. Theo nhà sử học Lê Mạnh Thát: “Chiếc bia Võ Cạnh tìm thấy tại làng Võ Cạnh ở Nha Trang, thường được các nhà nghiên cứu xác định là xuất hiện vào thế kỷ thứ II sau Tây lịch, viết bằng Phạn văn. Để cho Phạn văn trở thành một ngôn ngữ được khắc trên đá vào thế kỷ ấy, nền văn minh Ấn Độ vào thời ấy chủ đạo là Phật giáo”⁴. Theo những gì được ghi lại trên bia ký Võ Cạnh⁵, vào thế kỷ thứ II Tây lịch, vùng đất này chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền Phật giáo Ấn Độ. Phật giáo là tôn giáo chính của vương quốc này. Nhà vua là Phật tử sùng tín, bảo hộ Phật giáo, các vị tăng lữ cùng với nhà vua chủ trì các nghi lễ của

vuơng quốc. Qua tư liệu trên văn bia, các nhà nghiên cứu cho rằng, Phật giáo ở Chămpa giai đoạn này đã vượt qua giai đoạn truyền bá và có ảnh hưởng nhất định trong nền văn hóa và đời sống tinh thần của dân tộc này⁶. Nhà nghiên cứu Quảng Văn Sơn nhận định: “Kauthara ngoài là một trung tâm giao thương với các nước láng giềng từ đầu Công nguyên, còn là địa điểm đầu tiên Phật giáo từ Ấn Độ truyền sang, trở thành một trung tâm Phật giáo phồn thịnh và ảnh hưởng mạnh mẽ tới các trung tâm Phật giáo Chămpa nổi tiếng sau này như Inrapura, Amaravati”⁷. Học giả Pháp George Coedes cho rằng: “Đến thế kỷ III, Phật giáo đã phát triển mạnh mẽ ở vùng mà ngày nay là Nha Trang. Thời kỳ này, Phật giáo là tôn giáo của triều đình”⁸. Thêm một cứ liệu lịch sử khác, năm 875, vua Indravarman là một Phật tử, theo truyền thống Phật giáo Đại thừa và chọn Phật giáo là quốc giáo. “Ở trung tâm của Indrapura (Đồng Dương ngày nay), ông đã xây dựng một tu viện Phật giáo (Vihara) để thờ Bồ Tát Quán Thế Âm (Avalokitesvara). Vào thế kỷ IX và X, các vua của triều đại Indrapura đã xây dựng ở Mỹ Sơn một số đền tháp. Thời kỳ Phật giáo ảnh hưởng ở Chămpa kết thúc năm 925 để nhường chỗ cho sự phục hồi của đạo thờ thần Siva”⁹. Thông qua các bộ sử như *Thiên uyển tập anh* (thế kỉ XIII – XIV), *Đại Việt sử kí toàn thư*, *An Nam chí lược*, chúng ta lại có thêm thông tin về hai câu chuyện: “Vua Lê Đại Hành thân chinh đi đánh Chiêm Thành, chém Bê Mi Thuế tại trận, bắt sống được vô số quân sĩ, kỹ nữ trong cung trăm người và một nhà sư người Thiên Trúc, lấy các đồ quý đem về, thu được vàng bạc của báu kể hàng vạn, san phẳng thành trì, phá hủy tông miếu”¹⁰. Và câu chuyện năm 1069, vua Lý Thánh Tông (1054-1072) đích thân cầm quân chinh phạt Chămpa có bắt sống nhiều tù binh, về sau mới biết trong đó có thầy trò nhà sư Thảo Đường người Trung Quốc, thuộc dòng thiền Tuyết Đậu Minh Giác đang truyền đạo trên vùng đất này. Như vậy, trước khi Phật giáo theo người Việt đến vùng đất này thì vương quốc Chămpa cũng đã chịu ảnh hưởng của hai truyền thống Phật giáo, một là, do các nhà sư Ấn Độ từ phương Nam trực tiếp truyền qua; hai là, do các nhà sư Trung Quốc từ phương Bắc truyền

xuống. Hiện nay, trên hòn tháp thôn Đại Điền Tây, huyện Diên Khánh có những ngôi tháp cổ, dân địa phương quen gọi là tháp Hồi, nhưng theo Quách Tấn¹¹ và Nguyễn Công Lý¹² thì đó là những ngôi tháp lưu giữ hài cốt của các nhà sư Ấn Độ và Trung Quốc qua đời khi đến truyền đạo nơi đây.

Do bối cảnh lịch sử khai phá vùng đất mới lúc bấy giờ, một số lưu dân vùng Thuận Quảng đã vào đây để sinh cơ lập nghiệp. Những người này cũng mang theo truyền thống văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo và phong tục tập quán đến vùng đất mới. Trong giai đoạn này, ở vùng Thuận Quảng, các chúa Nguyễn sùng mộ đạo Phật, quy y thọ giới, biệt đãi tăng sĩ, lập nhiều chùa chiền, nên Phật giáo theo đoàn lưu dân truyền vào Khánh Hòa là điều tất yếu. Phật giáo người Việt truyền vào Khánh Hòa chủ yếu thông qua các cuộc di dân của cộng đồng người Việt xứ Thuận Quảng, theo hai đường bộ và thủy. Đường thủy trực tiếp từ Thuận Quảng theo đường biển vào cảng Nha Trang và đường bộ từ Thuận Quảng dọc theo duyên hải vào Khánh Hòa.

Vào những năm 1620-1630, người Việt Đàng Trong đã tới làm ăn và buôn bán trên vùng đất này. Một lần chúa Sãi cho Công nữ Ngọc Khoa theo đoàn thương buôn vào Chămpa mua bán, trao đổi hàng hóa, để rồi từ đó mối lương duyên giữa vua Pô rô Mê và công nữ Ngọc Khoa được gắn kết vào năm 163¹³. Công nữ Ngọc Khoa là con gái của Nguyễn Phúc Nguyên, đương thời người ta thường gọi ông là chúa Sãi hay chúa Bụt. Ngọc Khoa sinh trưởng trong gia đình theo Phật giáo, nên khi đi buôn bán giao thương hay xuất giá về nhà chồng đều mang theo tôn giáo mà mình từng gắn bó lâu nay để làm chỗ dựa tinh thần khi xa xứ. Những hình thức sinh hoạt Phật giáo có thể tồn tại ở đây trong giai đoạn này, nhưng chỉ ở mức độ thực hành của cá nhân Công nữ Ngọc Khoa hoặc nhóm cộng đồng người Việt, nên chưa thể hình thành những ngôi chùa của người Việt trên vùng đất này. Tuy nhiên, đây chỉ là quan điểm cá nhân của tác giả bài viết, chứ hiện tại chưa có một tài liệu nào nói điều này. Nhà nghiên cứu

Nguyễn Hiền Đức cũng cho rằng, Phật giáo người Việt được truyền vào Khánh Hòa vào những thập niên 1620-1630¹⁴.

Theo Quách Tấn, Nguyễn Công Lý và một số nhà nghiên cứu, thì Phật giáo đã được truyền vào Khánh Hòa sớm nhất phải sau năm 1653, khi chúa Hiền là Nguyễn Phúc Tần sai quan Cai cơ là Hùng Lộc đi đánh Chămpa để mở cõi, lập ra hai phủ Thái Khang và Diên Ninh¹⁵.

Qua khảo sát thực tế một số ngôi chùa cổ ở tỉnh Khánh Hòa, có thể thấy, ngôi chùa có niên đại xưa nhất hiện nay là chùa Minh Thiện, tọa lạc trên núi Bút Sơn, làng Thanh Truyền, phủ Diên Ninh, dinh Thái Khang (nay là thôn Thanh Minh, xã Diên Lạc, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa), do tổ sư Giác Sanh Thiên Hòa tử - Hiệp Đức hầu Nguyễn Phước Chiêu, kiến lập vào khoảng năm 1673 (Quý Sửu), vào đời vua Lê Huyền Tông, tức sau 20 năm kể từ khi người Việt định cư tại xứ này.

Đa số các ngôi chùa cổ ở Khánh Hòa đều do các vị thiền sư dòng phái Lâm Tế mà tổ sư là Nghĩa Huyền thiền sư khai sơn và tạo dựng, chủ yếu là các dòng kệ sau: Dòng truyền của tổ sư Vạn Phong Thời Ủy với dòng kệ “Tổ đạo giới định tông...”, dòng kệ “Đạo bản nguyên thành Phật tổ tiên...” của tổ sư Đạo Mân và tổ sư Liễu Quán với dòng kệ “Thiệt tế đại đạo, tánh hải thanh trừng...” , và một vài thiền sư thuộc dòng phái Trúc Lâm¹⁶.

Xét dòng kệ truyền thừa từ tổ Đạo Mân và tổ Liễu Quán để chúng ta hiểu thêm về xuất thân của các vị tổ khai sơn những ngôi chùa trong giai đoạn này, về chữ Đạo (Đạo Mân) thuộc đời thứ 31, chữ Bản đời thứ 32, chữ Nguyên đời thứ 33, chữ Thành đời thứ 34, chữ Phật đời thứ 35, chữ Minh đời thứ 36, chữ Như đời thứ 37; Và dòng kệ truyền thừa của tổ Liễu Quán chữ Thiệt (Thiệt Diệu) đời thứ 35, chữ Tế đời 36, chữ Đại đời 37, chữ Đạo đời 38.

Những ngôi chùa cổ thuộc dòng phái Thiền sư Đạo Mân khai sáng và tạo dựng như Tổ khai sơn chùa Cát (Hội Phước Tự) ở Nha Trang là do ngài Phật Ấn (đời thứ 35) tạo dựng năm 1680, chùa

Bửu Phong (Ninh Hoà) do ngài Minh Lượng Nguyệt Ẩn (đời thứ 34) tạo dựng năm 1683.

Những ngôi chùa do thiền sư thuộc phái Lâm Tế khai sáng như Thiền sư Thiệt Địa (đời 35, cùng thế hệ với Thiệt Diệu - Liễu Quán) khai sơn ba ngôi chùa: chùa Linh Quang (Ninh Phụng, Ninh Hoà) vào khoảng năm 1696; chùa Kim Sơn (Vĩnh Ngọc, Nha Trang) vào khoảng năm 1732-1735 và chùa Kim Ẩn (Ninh An, Ninh Hoà) cùng thời gian trên. Chùa An Dưỡng (Vĩnh Thái Nha Trang), do tổ Thiệt Phú tạo dựng, chưa xác định được niên đại. Ngài Thiệt Quang khai sơn chùa Bảo Long (Ninh Hoà) năm 1696.

Những ngôi chùa do các thiền sư thuộc phái Liễu Quán khai sáng như chùa Thiên Bửu thượng (Ninh phụng, Ninh Hoà) và chùa Thiên Bửu hạ (Ninh Bình, Ninh Hoà) do Thiền sư Tế Hiển (đời thứ 36) tạo dựng khoảng năm 1740-1747; chùa Phổ Hóa (Ninh Bình, Ninh Hoà) do Thiền sư Tế Dưỡng (đời thứ 36) tạo dựng năm 1746; Tổ Tế Đức khai sơn chùa Vạn Phước (Ninh Đa, Ninh Hoà) không rõ niên đại.

Trong giai đoạn đầu, các chúa Nguyễn dùng Phật giáo như công cụ mở mang bờ cõi và ổn định nhân tâm nơi vùng đất mới, nên Phật giáo phát triển cực thịnh, các vị thiền sư trong nước và nước ngoài (Trung Hoa) tự do truyền đạo, dựng chùa, quy tụ Phật tử, v.v.... Cuối thế kỷ XVIII, do ảnh hưởng của cuộc nội chiến giữa Nguyễn Ánh với nhà Tây Sơn, nhiều chùa chiền bị tàn phá, các pháp khí (đại hồng chung, chuông gia trì, linh, khánh, chân đèn, bát nhang, v.v...), tượng Phật, tượng bồ tát bằng đồng, bằng vàng đều bị tịch thu để phục vụ chiến tranh, nên sự phát triển của Phật giáo Khánh Hòa trong thời gian này bị trì trệ. Sau khi triều đại nhà Nguyễn được thành lập, Phật giáo không còn địa vị như trước, các vua nhà Nguyễn lấy tư tưởng Nho giáo để cai trị xã hội. Tuy ở giai đoạn này, Phật giáo ít nhiều bị kỳ thị và mất dần vị thế đối với triều đình, nhưng ở Khánh Hòa, nhiều ngôi chùa mới vẫn mọc lên, các ngôi chùa cũ vẫn được trùng tu và phục dựng. Nói chung, so với giai đoạn trước, Phật giáo Khánh Hòa có phần phát triển chậm, trong giai đoạn này (1802-

1858) có 16 ngôi chùa được xây dựng mới. Đến những năm cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX, giai đoạn thực dân Pháp xâm lược, Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Khánh Hòa nói riêng bắt đầu suy thoái mạnh. Từ đó, tạo tiền đề cho công cuộc chấn hưng Phật giáo vào năm 1930. Do ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo, Phật giáo Khánh Hòa có những chuyển biến rõ rệt về mọi mặt như số lượng chùa xây mới ngày một nhiều, từ năm 1930-1975, có 193 ngôi chùa được xây mới, chiếm 50,1% tổng số chùa (385 ngôi) ở Khánh Hòa vào năm 2019, số lượng tăng ni ngày một đông hơn và các hoạt động hướng đến xã hội ngày càng nhiều.

Thông qua tư liệu lịch sử và khảo sát thực tế, có thể thấy, trước năm 1954, tại Khánh Hòa, Phật giáo chủ yếu là Phật giáo Đại thừa (Bắc tông), với các chi phái của dòng thiền Lâm Tế, sinh hoạt theo sơn môn tổ đình, chưa thấy xuất hiện các tổ chức, đoàn thể Phật giáo khác, cũng như chưa có tổ chức giáo hội Phật giáo cho tới trước thời điểm này.

Sau năm 1954, do bối cảnh xã hội đương thời, Phật giáo Việt Nam bắt đầu có sự phân hóa mạnh và hình thành các tổ chức, hệ phái Phật giáo khác nhau như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Giáo hội Tăng già Trung Việt, Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam (hợp nhất giữa giáo hội Lục Hòa tăng và Lục Hòa Phật tử), và Phật giáo Khất sĩ Việt Nam, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam. Mỗi giáo hội, hệ phái có phương hướng và chương trình hoạt động riêng theo tông chỉ của hệ phái mình. Tại Khánh Hòa, Phật giáo cũng không nằm ngoài bối cảnh ấy. Về mặt tổ chức thì Phật giáo Khánh Hòa trong giai đoạn này có ba tổ chức (Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam và Phật giáo Khất sĩ Việt Nam). Về mặt hệ phái, thiền phái thì tại Khánh Hòa giai đoạn này có các hệ phái, thiền phái sau:

Thiền tông: Là một tông phái của Đại thừa Phật giáo, sơ tổ là ngài Bồ Đề Đạt Ma, với tôn chỉ “trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”¹⁷. Lục Tổ Huệ Năng có một số đệ tử nổi trội như Nam Nhạc Hoài Nhượng, Thanh Nguyên Hành Tư, mỗi vị đều có phương pháp

riêng để hóa độ và tiếp dẫn hậu lai. Phái Nam Nhạc sau này sinh ra dòng thiền Lâm Tế và Quy Ngưỡng, phái Thanh Nguyên sau này sinh ra dòng thiền Vân Môn, Pháp Nhãn và Tào Động gọi chung là Ngũ gia gia phong.

Trong năm dòng thiền kể trên, có hai dòng thiền phát triển rực rỡ ở Việt Nam đó là dòng thiền Lâm Tế và Tào Động. Ở Khánh Hòa, thiền phái Lâm Tế phát triển rất mạnh từ lúc du nhập cho tới ngày nay. Ngoài thiền phái Lâm Tế, còn có một số tăng sĩ tu theo tinh thần thiền Trúc Lâm Yên Tử do hòa thượng Thích Thanh Từ phục hồi sau phong trào chấn hưng Phật giáo, như ở thiền tự Trúc Lâm Viên Giác (Nha Trang).

Phật giáo Việt Nam Thống nhất: Là sự hợp nhất giữa 13 tổ chức, hệ phái, giáo hội Phật giáo đương thời (gồm Ủy ban Liên phái Phật giáo, Giáo hội Tăng già Bắc Việt, Thiền tịnh Đạo tràng, Giáo hội Nguyên thủy Việt Nam, Giáo hội Theravada, Giáo hội Tăng già Bắc Việt tại miền Nam, Giáo hội Tăng già Trung phần, Giáo hội Tăng già Nam Việt, Hội Phật học Nam Việt, Hội Phật giáo Nguyên thủy, Hội Phật giáo Trung phần, Hội Việt Nam Phật giáo và Đại diện Phật tử Theravada), trong bối cảnh đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo năm 1963 dưới thời Ngô Đình Diệm.

Mặc dù ra đời trong hoàn cảnh không mấy thuận lợi, nhưng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã thu được những thành tựu đáng kể: Thành lập và đưa vào hoạt động các cơ sở như Viện Đại học Vạn Hạnh, Viện Cao đẳng Phật học, Trường Thanh niên Phụng sự Xã hội và Nhà xuất bản Lá Bối; Xuất bản các tuần báo như *Hải Triều âm*, báo *Thiện mỹ*, báo *Chánh đạo*; thành lập các trường trung, tiểu học, bệnh xá, chẩn y viện, cô nhi viện, ký nhi viện và các tổ chức thanh thiếu niên Phật giáo, đặc biệt là hệ thống tư thục các trường trung học, tiểu học ở các tỉnh miền Nam và miền Trung dưới tên Trường Bồ Đề.

Tại Khánh Hòa, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất do thầy Thích Đức Minh làm chánh đại diện Tỉnh Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất Khánh Hòa, trụ sở đặt tại chùa Long Sơn

(Nha Trang). Giáo hội có các tổ chức như gia đình Phật tử, thanh thiếu niên Phật tử, hệ thống các trường Bồ Đề các bậc trung học, tiểu học trải khắp các huyện, thị trong tỉnh. Đặc biệt tại đây, có Phật học viện Trung phần Hải Đức (Nha Trang), đào tạo các bậc trung cấp, cao đẳng Phật học cho tăng ni toàn khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam: Tên gọi đầy đủ là Giáo hội Phật giáo cổ truyền Lục Hòa Tăng và Lục Hòa Phật tử, hay còn gọi Giáo hội Phật giáo cổ truyền Lục Hòa Tăng. Lúc này ở miền Nam, chính quyền của Nguyễn Văn Thiệu đã thay thế chế độ độc tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm. Nhưng chính quyền mới vẫn tiếp tục kìm kẹp, khủng bố và ám hại các vị lãnh tụ phong trào, các gia đình có thân nhân chống đối chính quyền, trong đó có các tổ chức Phật giáo thân kháng chiến.

Giáo hội Lục Hòa Tăng và Giáo hội Lục Hòa Phật tử là tổ chức Phật giáo yêu nước, nằm trong sự theo dõi của chính quyền, nên gặp không ít khó khăn trong các hoạt động, sinh hoạt. Trước tình hình đó, lãnh đạo hai giáo hội tiến hành đại hội hiệp nhất Giáo hội Lục Hòa Tăng và Giáo hội Lục Hòa Phật tử thành Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam gồm Viện Tăng thống và Viện Hoằng Đạo dưới sự phê chuẩn của chính quyền đương thời.

Thành tựu: Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam thành lập và đi vào hoạt động trường Phật học Lục Hòa tại các địa điểm như chùa Giác Lâm, chùa Giác Viên, chùa Thiên Tôn và có hai trường tiểu học ở chùa Thiên Trường, chùa Lộc Uyển. Về phương diện truyền thông, giáo hội đã xuất bản tạp chí *Phật Học Lục Hòa*.

Ở Khánh Hòa, Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam, trụ sở đặt tại chùa Nghĩa Phương (Nha Trang), do hòa thượng Thích Bích Lâm làm trưởng ban đại diện, đây cũng là trụ sở của Ban Đại diện Trung phần Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam. Giáo hội đã thành lập ở Khánh Hòa cơ sở Tăng Học viện Trung phần, Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam, do Hoà thượng Thích Bích Lâm khởi kiến vào năm 1959, với mục đích đào tạo tăng tài cho khu vực

miền Trung và Tây Nguyên. Bên cạnh Tăng Học viện còn có Trường tiểu học Nghĩa Thực Vạn Hạnh nhằm giúp đỡ cho con em Phật tử và những gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong vùng có cơ hội đến trường học tập.

Hệ phái Khất sĩ: Là một trong ba hệ phái của Phật giáo Việt Nam (Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ), hệ phái Khất sĩ là nét đặc trưng của Phật giáo Việt Nam, do tổ sư Minh Đăng Quang thành lập tại miền Nam vào năm 1947, với tôn chỉ hành đạo “Y bát chơn truyền - Nói truyền Thích Ca Chánh pháp”.

Sau khi đức tổ sư Minh Đăng Quang vắng bóng, do nhu cầu của việc hoằng pháp, nên trong quá trình truyền giáo, Phật giáo Khất sĩ đã hình thành nên sáu giáo đoàn truyền đạo, tùy cơ duyên mà hóa độ. Hệ phái Khất sĩ tổ chức sinh hoạt theo từng giáo đoàn, tăng chúng của giáo đoàn nào thì sinh hoạt trong giáo đoàn đó, không chia thành từng cấp theo hệ thống hành chính từ tỉnh xuống huyện và xã mà xuyên suốt theo từng giáo đoàn từ Bắc đến Nam.

Tại Khánh Hòa, tịnh xá Ngọc Pháp (Nha Trang) là ngôi tịnh xá đầu tiên của hệ phái Khất sĩ do sư Giác An, trưởng lão Giáo đoàn 3 thành lập và xây dựng vào năm 1957. Ngoài ra, trưởng lão Giác An còn khai sơn và thành lập xây dựng các ngôi tịnh xá như Tịnh xá Ngọc Hải (Cam Ranh), năm 1958; Tịnh xá Ngọc Phước (thị trấn Vạn Giá), năm 1962; Tịnh xá Ngọc Tòng (Nha Trang), năm 1966; Tịnh độ ni giới (Nha Trang), năm 1968.

Năm 1958, trưởng lão Giáo đoàn 2, sư Giác Tịnh đặt chân tới Khánh Hòa, ngài đã khai sơn thành lập Tịnh xá Ngọc Trang (Nha Trang), đây là ngôi tịnh xá đầu tiên của Giáo đoàn 2 tại Khánh Hòa.

Ni sư Huỳnh Liên, người đầu tiên thành lập giới Khất sĩ ni và được hệ phái đề cử cương vị Trưởng Giáo hội Ni giới Khất sĩ Việt Nam. Ni sư đã vân du đến Khánh Hòa và thành lập Tịnh xá Ngọc Cát (Nha Trang), năm 1968.

Hiện tại, ở Khánh Hòa có bốn giáo đoàn thuộc hệ phái Khất sĩ (Giáo đoàn 2, Giáo đoàn 3, Ni giáo đoàn 4, Giáo đoàn 5) và một

Giáo hội Ni giới Khất sĩ do Ni trưởng Huỳnh Liên thành lập và sinh hoạt tại tịnh xá Ngọc Cát (Nha Trang). Hiện tại có 36 ngôi tịnh xá thuộc hệ phái Khất sĩ, phân bố ở các huyện, thị phát triển của tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, tập trung nhiều nhất ở Thành phố Nha Trang, sau đó là Thành phố Cam Ranh. Trong quá trình đi thực tế tại địa bàn huyện Diên Khánh, dù là giáp ranh với Thành phố Nha Trang, nhưng trên địa bàn này, chúng tôi không thấy có ngôi tịnh xá nào của hệ phái Khất sĩ được xây dựng.

Bảng 1: Thống kê số tịnh xá hệ phái Khất sĩ chia theo thành phố, huyện, thị

Thành phố, huyện, thị	Số tịnh xá
Thành phố Nha Trang	14 (1 Tịnh độ Ni giới)
Thành phố Cam Ranh	9
Thị xã Ninh Hòa	2
Huyện Vạn Ninh	7
Huyện Cam Lâm	4
<i>Tổng cộng</i>	36

(Nguồn: Tổng hợp từ Danh bộ Tự viện tăng ni tỉnh Khánh Hòa, nhiệm kỳ 1991-2017)

Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam: Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam do tôn sư Minh Trí thành lập ở Nam Bộ vào năm 1934, hoạt động với tôn chỉ “Phước Huệ Song Tu”, lấy niệm Phật làm căn bản, dùng y đạo để cứu người, lấy việc cứu chữa người ốm đau bệnh tật để thực hiện chủ nghĩa “Từ bi bác ái” của Đức Phật. Hội hoạt động với đường hướng “Tu học, Hành thiện, Ích nước, Lợi dân.” Ông tên thật là Nguyễn Văn Bông, quê quán xã Tân Mỹ, tổng (huyện) An Thạnh Thượng, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp). Từ thuở nhỏ, vốn có duyên với ngành y nên ông đã thông thạo những bài thuốc và phương pháp chữa bệnh cơ bản. Về sau, với tư chất thông minh, ông đã sớm hấp thụ được những tinh hoa trong nghề và thực hiện lý tưởng hành “y đạo” cứu người, với chủ trương, lấy việc bốc thuốc

chữa bệnh làm phương tiện để truyền bá đạo và thực hiện tôn chỉ phước huệ song tu. Năm 1934, ông thành lập Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam. Năm 1935, ông được tín đồ suy tôn là Đức Tông Sư Minh Trí, Giáo chủ của Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam. Đặc biệt, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam không có tín đồ tu sĩ, các thành viên trong hội đều là cư sĩ, tất cả các chùa thuộc hội này đều có phòng thuốc Nam và chùa được đặt tên đồng nhất là chữ Hưng đầu tiên, chữ thứ hai thường lấy tên địa phương đó.

Tại Khánh Hòa, có hai cơ sở thuộc hội này, Hưng Sơn Tự (Nha Trang) và Hưng Long Tự (Diên Khánh) đều được thành lập năm 1968. Cũng như các chùa khác của Hội, các chùa ở Khánh Hòa cũng hoạt động theo tôn chỉ hành đạo là “Phước huệ - Song tu, lấy Pháp môn niệm Phật làm căn bản, dùng y đạo làm phương tiện phát triển hội quán”. Năm 2006, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam được nhà nước công nhận tư cách pháp nhân là một tổ chức tôn giáo độc lập.

Thực hiện chủ trương hợp nhất các hệ phái của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ngày 8 và 9 tháng 10 năm 1982, Đại hội lần thứ nhất Giáo hội Phật giáo tỉnh Phú Khánh¹⁸ được tổ chức tại chùa Long Sơn (Nha Trang). Đến nay, Phật giáo Khánh Hòa đã trải qua 8 kỳ đại hội (Phật giáo Phú Khánh 2 kỳ đại hội và Phật giáo Khánh Hòa 6 kỳ đại hội), với phương châm “Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội”¹⁹. Phật giáo Khánh Hòa dù trong thời đại nào vẫn luôn có những đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, đem lại bình an cho xã hội, hạnh phúc, an lạc cho mọi người.

Hiện tại, Phật giáo Khánh Hòa có 385 cơ sở tự viện được công nhận, với 1.486 tăng ni, 210.560 tín đồ (chiếm 17% dân số và chiếm 59% tín đồ tôn giáo cả tỉnh), và hàng nghìn người có cảm tình với Phật giáo²⁰.

3. Đặc điểm của Phật giáo ở Khánh Hòa

Với tinh thần “tùy duyên bất biến”, dựa vào sự linh hoạt, uyển chuyển của giáo pháp, nên Phật giáo dễ dàng thích nghi với nhiều

hoàn cảnh xã hội, nhiều nhóm người, nhiều phong tục, tập quán ở các giai đoạn xã hội khác nhau. Trong quá trình tồn tại, tiếp biến và hòa nhập cùng văn hóa bản địa để phát triển, Phật giáo Khánh Hòa đã tạo ra cho mình những nét đặc thù khó có thể trộn lẫn với Phật giáo các vùng miền khác. Theo chúng tôi, có thể khái quát một số đặc điểm của Phật giáo ở Khánh Hòa như sau: (1) Phật giáo Khánh Hòa mang đậm sắc thái của Phật giáo miền Trung, đặc biệt là Phật giáo Huế; (2) Phật giáo Khánh Hòa là Phật giáo Bắc tông, nhưng chủ yếu thuộc dòng thiền Lâm Tế như Lâm Tế Chánh Tông, Lâm Tế Liễu Quán, Lâm Tế Đạo Mân; (3) Phật giáo Khánh Hòa là tôn giáo của quần chúng lao động và phổ biến sâu rộng trong dân gian; (4) Phật giáo Khánh Hòa chủ yếu phát triển mạnh hơn trong cộng đồng người Việt so với các dân tộc thiểu số; và (5) Phật giáo Khánh Hòa có tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm cao.

Về đặc điểm thứ nhất: Phật giáo Khánh Hòa mang đậm sắc thái của Phật giáo miền Trung, đặc biệt là Phật giáo Huế. Khánh Hòa nằm trong vùng ảnh hưởng mạnh của kinh đô Huế dưới thời phong kiến. Phật giáo miền Trung nói chung và Phật giáo Khánh Hòa nói riêng chịu ảnh hưởng rất lớn từ đời sống sinh hoạt, hình thức nghi lễ cho tới kiến trúc xây dựng cơ sở thờ tự. Về đời sống sinh hoạt, đa phần người dân sinh sống ở Khánh Hòa xuất thân từ xứ Thuận Quảng, kể cả tu sĩ Phật giáo, nên đời sống sinh hoạt phần lớn chịu ảnh hưởng của lễ nghi phong kiến. Nghi lễ, lễ nhạc Phật giáo Khánh Hòa mang phong cách của lễ nhạc Phật giáo Huế, trong âm hưởng của lễ nhạc cung đình. Hiện nay, tại hầu hết các buổi lễ lớn diễn ra trong tỉnh, do Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Khánh Hòa tổ chức đều được thực hiện theo nghi lễ của Phật giáo Huế. Chùa ở Khánh Hòa xây dựng mang nặng lối “kiến trúc cung đình”, theo kiến trúc đặc trưng của các chùa miền Trung, nhất là chùa Huế. Nóc chùa thường trình bày với các mô típ “Lưỡng long châu nguyệt”, “Lưỡng long châu pháp luân”... ảnh hưởng kiến trúc cung đình triều Nguyễn và mô típ trang trí “Lưỡng long tranh châu.” Ở các con lươn, bờ quyết, góc mái được trang trí hệ “tứ linh” gồm

long, lân, quy, hụng. Trong đó, hình ảnh long (rồng) nổi trội, xuất hiện nhiều hơn cả.

Về đặc điểm thứ hai: Phật giáo Khánh Hòa theo truyền thống Phật giáo Bắc tông (hệ phái Khất sĩ và Nam tông chi mới xuất hiện ở thế kỷ XX), chủ yếu thuộc các chi nhánh của dòng thiền Lâm Tế như Lâm Tế Chánh Tông, Lâm Tế Liễu Quán, Lâm Tế Đạo Mâm. Về hình thức tu tập là thiền tịnh song tu. Về nội dung giáo lý thì thiền tông đóng vai trò chủ đạo, còn về hình thức thì tịnh độ tông đóng vai trò chủ đạo. Yếu tố mật tông chưa thể hiện rõ nét trong Phật giáo Khánh Hòa.

Về đặc điểm thứ ba: Phật giáo Khánh Hòa là tôn giáo của quần chúng lao động và phổ biến sâu rộng trong dân gian. Đa phần tín đồ Phật giáo Khánh Hòa là nông dân lao động, phần lớn thời gian họ dành cho việc mưu sinh, trình độ dân trí thấp, hiểu biết về Phật pháp còn hạn chế. Phần lớn người dân đến với đạo Phật để nương tựa tâm linh (khi gia đình có việc về ma chay, cầu an, cầu siêu...) hoặc đến với đạo Phật vì niềm vui của tuổi già, chứ họ chưa có nhu cầu tu học Phật pháp để nâng cao kiến thức Phật học hay giải thoát khỏi luân hồi sinh tử. Vì vậy, các tín đồ còn bị gò bó rất nặng nề trong các nghi lễ sinh hoạt của Phật giáo.

Về đặc điểm thứ tư: Phật giáo Khánh Hòa chủ yếu phát triển mạnh trong cộng đồng người Việt, còn các thành phần dân tộc thiểu số rất hạn chế. Thực tế lịch sử cho thấy, đa phần các ngôi chùa của Phật giáo ở Khánh Hòa chỉ phát triển ở vùng có dân cư là người Việt sinh sống, còn các vùng dân tộc thiểu số thì rất hiếm thấy. Thực tế trên do một số nguyên nhân sau.

Nguyên nhân chủ quan: Các hình thức truyền giáo của Phật giáo đều mang tính tự phát của một số tu sĩ, chưa có một tổ chức nào của Phật giáo định hướng cho quá trình truyền giáo, hoạch định chương trình truyền giáo cho tương lai. Một minh chứng điển hình là năm 1653 khi Hùng Cơ mở đất lập ra hai phủ Thái Khang và Diên Ninh thì Công giáo đã có chương trình truyền giáo cho vùng

đất này. Vào năm 1653, Linh mục dòng Tên Phêrô Marques và năm 1655, Linh mục Phanxicô Rivas đã đến giảng đạo tại đây; đến năm 1671, ngôi Giáo xứ Chợ Mới đã được thành lập. Trong khi đó, đến năm 1673 Phật giáo mới thành lập được cơ sở thờ tự đầu tiên, đó là Minh Thiện tự. Tuy Phật giáo ở Khánh Hòa tồn tại hơn 300 năm, nhưng mãi đến năm 1993 huyện miền núi Khánh Vĩnh mới có chùa, và huyện Khánh Sơn thì có chùa từ năm 2012. Trong khi đó, đạo Tin Lành truyền vào Khánh Hòa khoảng năm 1924, thì chỉ 30 năm sau, năm 1957, tôn giáo này đã có nhiều cơ sở rộng khắp các huyện miền núi Khánh Vĩnh, Khánh Sơn như nhà giảng Giang Lò, Sông Cái và Chà Liên. Một nguyên nhân nữa, Phật giáo Khánh Hòa chưa quan tâm lắm đến việc phát triển tín đồ trong vùng dân tộc thiểu số, nên việc chuyển ngữ, chú giải, biên soạn kinh điển Phật giáo sang tiếng bản địa để đồng bào dân tộc có cơ hội tiếp cận khi truyền giáo chưa được quan tâm đầu tư. Kinh điển Phật giáo chủ yếu là phiên âm từ chữ Hán cũng gây không ít khó khăn trong việc tiếp nhận Phật giáo của đồng bào dân tộc thiểu số.

Nguyên nhân khách quan: Do đồng bào dân tộc thiểu số sống rải rác ở vùng sâu, vùng xa, đời sống kinh tế, văn hóa, cơ sở hạ tầng chưa phát triển gây khó khăn việc truyền giáo. Đồng thời, phần lớn đồng bào sống du canh, số lượng lại ít, sống không tập trung gây trở ngại trong quá trình truyền giáo.

Về đặc điểm thứ năm: Tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm, chống áp bức bất công trong đồng bào Phật tử Khánh Hòa. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều tín đồ Phật giáo Khánh Hòa đã tham gia hoạt động kháng chiến và nhiều người đã anh dũng hy sinh vì Tổ quốc, điển hình như Hoà thượng Bích Không, Thích Thiện Danh, Thích Trùng Sang, Thích Giác Phong, Thích Nhơn Hoàng, Thầy Tâm Kính Bảo Thành, Thích Trí Thanh, Không Đăng (thế danh là Phù Duy Cường), Thông Nhân Huệ, ngài Thị Lạc Hưng Từ, Thích Từ Thiện, v.v...

Nhiều ngôi chùa đã trở thành cơ sở hoạt động, nuôi giấu cán bộ, dự trữ và tiếp tế lương thảo... phục vụ cách mạng trong suốt những

năm tháng chiến tranh, điển hình như các chùa ở Diên Khánh như chùa Thiên Quang, chùa Quang Lộc, chùa Tây Chánh, chùa Vạn Thiện; ở Nha Trang như chùa Kim Sơn, chùa Long Sơn; ở Ninh Hòa như chùa Thiên Bửu, chùa Phước Huệ, chùa Thạch Sơn, chùa Lâm Sơn, chùa Kim Long.

Những đặc điểm trên có thể nói là những điểm nhấn trong toàn bộ bức tranh chung của Phật giáo Khánh Hòa. Thông qua đó, giúp chúng ta có những kiến thức cơ bản về đặc điểm chung của Phật giáo Khánh Hòa nói riêng và kiến thức về tính đặc trưng vùng miền của Phật giáo nói chung. Đồng thời, nghiên cứu này cũng giúp cho các cơ quan chức năng, quản lý về tôn giáo của nhà nước, địa phương có những chương trình, chính sách tùy theo đặc thù của Phật giáo Khánh Hòa mà xây dựng và phát triển các giải pháp phù hợp trong chương trình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Kết luận

Hơn 350 năm du nhập và phát triển, Phật giáo Khánh Hòa trải qua nhiều biến động thăng trầm, lúc thịnh lúc suy, nhưng dù trong hoàn cảnh nào, thời đại nào, Phật giáo vẫn luôn giữ vững vai trò “Hộ quốc an dân,” luôn có một chỗ đứng vững chãi trong lòng của dân tộc Việt Nam, cùng tồn tại và phát triển với dân tộc. Phật giáo Khánh Hòa đã xây dựng và lưu giữ cho mình những đặc điểm vùng miền, góp phần làm giàu giá trị văn hóa nước nhà. Đồng thời, Phật giáo Khánh Hòa còn giữ gìn một truyền thống yêu nước, gắn bó cùng dân tộc trong tư tưởng, đạo đức, tâm hồn và trong đời sống của người dân. Đây là một nhân tố không thể tách rời của nền văn hóa Việt Nam. Dù trong thời đại nào thì những giá trị truyền thống của nước nhà được Phật giáo vun bồi và nuôi dưỡng suốt 2000 năm qua vẫn còn hiện hữu trong tư tưởng, trong đạo đức và trong lối sống của người dân Việt Nam cũng như người dân Khánh Hòa. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Tư liệu tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018.
- 2 Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 32.
- 3 Nguyễn Lang (1973), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn, tr. 21.
- 4 Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 31.
- 5 Bia đá khắc bằng tiếng Phạn được phát hiện tại làng Võ Cảnh, thuộc Thành phố Nha Trang ngày nay.
- 6 Ngô An, *Võ cảnh –bia đá sớm nhất của vương quốc Chăm Pa*, <https://thanhnien.vn/van-hoa/vo-canhh-bia-som-nhat-cua-vuong-quoc-cham-pa-110658.html> cập nhật ngày 11/12/2011
- 7 Quảng Văn Sơn (2014), “phật giáo champa từ tư liệu đến nhận thức”, *tạp chí nghiên cứu tôn giáo*, số 6, tr. 48.
- 8 George Coedes, Ngô Bắc (dịch), *Các vương quốc Ấn độ đầu tiên trên đất Việt và vùng đông nam á từ thời cổ đến giữa thế kỷ thứ tư*, <http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-ung-xu-voi-moi-truong-xa-hoi/2584-george-coedes-cac-vuong-quoc-an-do-dau-tien-tren-dat-viet-va-vung-dna.html>, cập nhật ngày 7-5-2014.
- 9 Ngô Văn Doanh (2005), *My son relics*, Thế giới Publishers, Hanoi, tr. 72-184.
- 10 *Đại Việt sử ký toàn thư*, bản kỷ, quyển 1, tr. 66.
- 11 Quách Tấn (2019), *Xứ trầm hương*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 327.
- 12 Nguyễn Công Lý (2006), “Phật giáo ở Khánh Hòa và những danh lam cổ tự”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 6, tr. 20.
- 13 Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc (1995), *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 126; Nhóm Nhân Văn Trẻ (2007), *Hỏi đáp Lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 188.
- 14 Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, tập 2, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 122.
- 15 Quách Tấn (1969), *Xứ trầm hương*, Nxb. Lá Bối Sài Gòn, tr. 327; Nguyễn Công Lý (2006), “Phật giáo ở Khánh Hòa và những danh lam cổ tự”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 6, tr. 20; Trần Trọng Kim (1968), *Việt Nam sử lược*, Nxb. Tân Việt, Hà Nội, tr. 327-328.
- 16 Xem phần phụ lục về các dòng kệ truyền thừa.
- 17 Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện Nghiên cứu Phật học (2004), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 1275.
- 18 Phú Khánh là tỉnh hợp nhất từ hai tỉnh Phú yên và Khánh Hòa, tồn tại từ ngày 29 tháng 10 năm 1975 đến 30 tháng 6 năm 1989. Sau năm

1989 thì tỉnh Phú Khánh lại được tách thành hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa.

19 Tư liệu tại Văn phòng Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Khánh Hòa, 2019.

20 Số liệu do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Khánh Hòa cung cấp năm 2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1964), *Đất nước Việt Nam qua các đời- Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học, Hà Nội.
2. *An Nam chí lược (nửa đầu thế kỷ XIV)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2015.
3. Ngô Văn Doanh (2005), *My son relics*, Thế giới Publishers, Hanoi.
4. Nguyễn Đình Đầu (1997), *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Khánh Hòa*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, tập 2, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Đại Đồng (2018), *Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến 1981*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. *Đại việt sử ký toàn thư*, bản kỷ, quyển 1.
8. Lý Kim Hoa (2003), *Châu bản triều Nguyễn - tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn - 143 năm (từ Gia Long - 1802 đến Bảo Đại - 1945)*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc (1995), *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
10. Trần Trọng Kim (1968), *Việt Nam sử lược*, Nxb. Tân Việt, Hà Nội.
11. Nguyễn Lang (1973), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Lá Bối, Sài Gòn.
12. Nhóm Nhân văn trẻ (2007), *Hỏi đáp Lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Quảng Văn Sơn (2014), “Phật giáo Chămpa -Từ tư liệu đến nhận thức”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6.
14. Tư liệu tại Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018.
15. Tư liệu tại Văn phòng Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Khánh Hòa (2017).
16. Quách Tấn (2019), *Xứ trầm hương*, Nxb. Thế giới, Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
18. Ngô An, *Võ Cảnh –bia đá sớm nhất của vương quốc Chăm Pa*, <https://thanhnien.vn/van-hoa/vo-canhh-bia-som-nhat-cua-vuong-quoc-cham-pa-110658.html>, cập nhật ngày 11/12/2011.

19. George Coedes, Ngô Bắc (dịch), *Các vương quốc Ấn độ đầu tiên trên đất Việt và vùng Đông Nam Á từ thời cổ đến giữa thế kỷ thứ tư*, <http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-ung-xu-voi-moi-truong-xa-hoi/2584-george-coedes-cac-vuong-quoc-an-do-dau-tien-tren-dat-viet-va-vung-dna.html>, cập nhật ngày 7-5-2014.

Abstract

INTRODUCTION, DEVELOPMENT, AND CHARACTERISTICS OF BUDDHISM IN KHANH HOA PROVINCE, VIETNAM

Tran Tan Tam (Thích Nhuận Chuông)
Phuoc Long Buddhist Temple
Ninh Hoa town, Khanh Hoa province

The article sheds a light on the process of the introduction and development of Buddhism in Khanh Hoa province. It primarily answers the questions: When did Buddhism spread to Khanh Hoa? What was the path to introduce Buddhism to Khanh Hoa? Who did introduce it? What were the first Buddhist temples in Khanh Hoa?. The article also shows that Buddhism in Khanh Hoa has created its own characteristics in the process of existence, acculturation, and integration with the local culture.

Keywords: Khanh Hoa Buddhism; introduction; development; characteristics; Zen.

PHỤ LỤC Dòng Kế Truyền Thừa

Thiền sư Nghĩa Huyền lập phái Lâm Tế chính tông truyền đến đời thứ 21 - **Thiền sư Vạn Phong Thời Ủy** xuất bài kệ riêng:

Tổ đạo giới định tông

Phương quảng chứng viên thông

Hành siêu minh thiết tế
 Liễu đạt ngộ chơn không
 Như nhật quang thường chiếu
 Phổ châu ích lợi đồng
 Tín hương sanh phước huệ
 Tương kế chấn từ phong.

Truyền đến đời 22 - Thiền sư Bảo Tạng, truyền đến đời 31 - **Thiền sư Đạo Mân** xuất dòng kệ riêng:

Đạo bốn nguyên thành Phật tổ tiên
 Minh như hồng nhật lệ trung thiên
 Linh nguyên quảng nhuận từ phong phổ
 Chiếu thể chơn dăng vạn cổ truyền .

Thiền sư này truyền cho Bôn Khao Khoán Viên, Bôn Khao Khoán Viên truyền cho thiền sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch, rồi Nguyên Thiều - Siêu Bạch truyền cho Minh Hoàng - Tử Dung. Thiền sư Minh Hoàng - Tử Dung truyền cho thiền sư Liễu Quán và **Thiền sư Liễu Quán** xuất dòng kệ riêng:

Thiết tế đại đạo
 Tánh hải thanh trừng
 Tâm khuyến quảng nhuận
 Đức bốn từ phong
 Giới định phước huệ
 Thể dụng viên thông
 Vĩnh siêu trí quả
 Mật kế thành công
 Truyền tri diệu lý
 Diển xướng chánh tông
 Hạnh giải tương ứng
 Liễu ngộ chơn không

Thiền sư Minh Hải Trung Hoa khai sơn chùa Chúc Thánh Quảng Nam đề xuất dòng kệ Chúc Thánh:

Minh thiết pháp toàn chương
 Ẩn chơn như thị đồng
 Chúc thánh thọ thiên cửu

Kỳ quốc tộ địa trường
Đắc chính luật vi tuyên
Tổ đạo hạnh giải thông
Giác hoa bồ đề thọ
Sung mãn thiên nhơn trung.